TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2019

V/v**:** "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Xuân Trường

2/ Ông Lê Hoàng Phúc

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Cao Quốc Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 345/2019/TLST-HNGĐ, ngày 16/9/2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1992. Nơi cư trú: số 48 đường ĐT766, thôn Đông Tân, xã Đông Hà, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Dương Đức H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: số 313/29 đường Cây Sung – Bến Đò, thôn 10, xã Đức Tín, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2019; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ D trình bày: Bà và ông Dương Đức H tự nguyện kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Tín vào ngày 12/12/2012. Ông bà có với nhau 01 con chung tên Dương Thế B, sinh ngày 21/3/2019. Quá trình chung sống, giữa ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột. Nguyên nhân là do ông H có tính trăng hoa, thường xuyên qua lại với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Mặc dù bà D đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông H vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ khoảng 01 năm nay vẫn không hàn gắn được tình cảm. Nay bà D nhận thấy hôn nhân giữa bà và ông H đã thật sự bế tắc, đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con Thế B và yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Đức Linh đã thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt nên không thể lấy lời khai của ông H cũng như tiến hành phiên họp theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, không chấp hành theo triệu tập của Tòa án. Về nội dung thì căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: cuộc sống hôn nhân giữa bà D và ông H đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, xung đột, vợ chồng sống ly thân từ hơn 01 năm nay vẫn không hàn gắn được tình cảm, hiện mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm lẫn nhau. Từ đó có căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông H đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ. Về con chung: Xét thấy cháu Dương Thế B hiện nay chưa đủ 12 tháng tuổi và đang sống chung với bà D. Do đó cần giao cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà D là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông H cấp dưỡng nuôi con

mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp. Về tài sản chung, đương sự không tranh chấp nên không xem xét trong vụ án này. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đức Linh đã xác định quan hệ tranh chấp " Ly hôn, tranh chấp nuôi con" là đúng quy định.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không có lý do và đã được Tòa án triệp tập hợp lệ lần hai. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét thấy bà D và ông H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời khai của bà D và giấy khai sinh của Dương Thế B thì có đủ cơ sở xác định, Thế B là con của bà D và ông H. Quá trình tham gia tố tụng, bà D xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H và cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với lý do ông H có tính trăng hoa, thường xuyên qua lại với người phụ nữ khác nên thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con. Vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm nay vẫn không hàn gắn được tình cảm. Ngoài ra, hiện tại bà D và ông H mỗi người sống một nơi, không còn qua lại thăm hỏi, quan tâm nhau. Từ đó có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà D và ông H đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều

51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Dương Thế B hiện chưa tròn 12 tháng tuổi, đang sống chung với bà D. Do đó, căn cứ Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần giao cháu cho bà D tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà D là có căn cứ và phù hợp với điều kiện sống thực tế tại địa phương nên được chấp nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án thì bà D là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; ông H là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí cấp dưỡng là đúng quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ D.

- Về hôn nhân: Tuyên bố bà Lê Thị Mỹ D ly hôn ông Dương Đức H.

- Về con chung: Giao con Dương Thế B, sinh ngày 21/3/2019 cho bà Lê Thị Mỹ D trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Buộc ông Dương Đức H phải cấp dưỡng nuôi con cho bà Lê Thị Mỹ D mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2019 cho đến khi con Thế B đủ 18 tuổi. Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Quyết định về cấp dưỡng có hiệu lực thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền mà ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng ông H còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm**:** Bà Lê Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025662 ngày 16/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông Dương Đức H phải nộp 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/11/2019); bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã Đức Tín;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.